

QUYẾT ĐỊNH

**Vv Phê duyệt số lượng học sinh được hưởng chế độ
chi phí học tập và cấp bù học phí 5 tháng đầu năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG NHÉ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên quy định mức học phí từ năm học 2023 - 2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 2057/SGDDĐT-KHTC ngày 22/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2023 - 2024 và các năm tiếp theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 57/TTr-GDDĐT ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc phê duyệt số lượng học sinh được hưởng chế độ cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng học sinh của các đơn vị trường được hưởng chế độ chi phí học tập và cấp bù học phí 5 tháng đầu năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tổng số học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập là: 16.403 học sinh.

Trong đó:

- + Bậc Mầm non: 4.204 cháu.
- + Bậc Tiểu học: 7.432 học sinh.
- + Bậc Trung học cơ sở: 4.767 học sinh.

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

2. Tổng số học sinh được miễn, giảm học phí và hưởng chế độ cấp bù học phí là: 8.952 học sinh.

Trong đó:

- Cấp bù 100% là: 7.822 học sinh (Bậc Mầm non: 2.984 cháu; Bậc Trung học cơ sở: 4.838 học sinh).
- Cấp bù 70% là: 1.121 học sinh (Bậc Mầm non: 1.121 cháu; Bậc Trung học cơ sở: 0 học sinh).
- Cấp bù 50% là: 09 học sinh (Bậc Mầm non: 04 cháu; Bậc Trung học cơ sở: 05 học sinh).

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này là căn cứ để thực hiện chính sách hỗ trợ chế độ chi phí học tập và cấp bù học phí cho học sinh. Giao Trường phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị trường thực hiện việc chi trả chế độ và sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục - Đào tạo; Giám đốc kho bạc nhà nước huyện; Chủ tịch UBND các xã; Hiệu trưởng các trường cấp Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. Huyện ủy (B/c);
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, GD&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Ủy

Số: 100/QĐ-PGDĐT

Mường Nhé, ngày 12 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt chính sách học bổng cho học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN MƯỜNG NHÉ

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo được quy định tại Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện Mường Nhé;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ công văn số 226a/SGDĐT-KHTC, ngày 28 tháng 2 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số: 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Thực hiện văn bản 76/HD-PGDĐT, ngày 05 tháng 02 năm 2025 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Nhé về việc xét duyệt chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025;

Xét đề nghị của cán bộ phụ trách chế độ học sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách học bổng dành cho người khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 tại các trường học trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Nhé, cụ thể như sau:

Tổng số học sinh Khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 là: 261 học sinh.

Trong đó: + Cấp Mầm non: 25 trẻ

+ Cấp Tiểu học: 127 học sinh

+ Cấp Trung học cơ sở: 109 học sinh.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Danh sách học sinh được phê duyệt là căn cứ để thực hiện chính sách hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật. Giao Hiệu trưởng các đơn vị trường duy

trì số học sinh khuyết tật ra lớp và tổ chức triển khai thực hiện việc chi trả chế độ cho học sinh khuyết tật theo đúng các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Các bộ phận chuyên môn, Kế toán phòng Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng, Kế toán các đơn vị trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Phòng (hscv)
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thiết Chuỳ



TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỌC SINH KHUYẾT TẬT CÁC TRƯỜNG

	Trường	Số lượng học sinh khuyết tật	Ghi chú
	Mầm non Sín Thầu	0	
2	Mầm non Sen Thượng	0	
3	Mầm non Leng Su Sín	0	
4	Mầm non Chung Chải	9	
5	Mầm non Hoa Ban	0	
6	Mầm non Mường Nhé	2	
7	Mầm non Nậm Vì	1	
8	Mầm non Mường Toong	1	
9	Mầm non Huổi Léch	4	
10	Mầm non Pá Mỳ	1	
11	Mầm non Nậm Kè	5	
12	Mầm non Quảng Lâm	2	
Tổng Mầm Non		25	
1	PTDTBT TH Leng Su Sín	7	
2	PTDTBT TH Chung Chải số 1	10	
3	PTDTBT TH Chung Chải số 2	15	
4	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	16	
5	PTDTBT TH Nậm Pồ	17	
6	PTDTBT TH Nậm Vì	22	
7	PTDTBT TH Mường Toong số 1	6	
8	PTDTBT TH Huổi Léch	15	
9	PTDTBT TH Nậm Kè số 1	5	
10	PTDTBT TH Nậm Kè số 2	2	
11	PTDTBT TH Pá Mỳ	2	
12	PTDTBT TH Quảng Lâm	8	
Tổng Tiểu học		125	
1	PTDTBT THCS&TH Sín Thầu	2	TH: 1
2	PTDTBT THCS&TH Sen Thượng	3	TH: 1
3	PTDTBT THCS Leng Su Sín	4	
4	PTDTBT THCS Chung Chải	10	
5	PTDTBT THCS Mường Nhé	32	
6	PTDTBT THCS Nậm Vì	13	
7	PTDTBT THCS Mường Toong	26	
8	PTDTBT THCS Huổi Léch	5	
9	PTDTBT THCS Nậm Kè	8	
10	PTDTBT THCS Pá Mỳ	1	
11	PTDTBT THCS Quảng Lâm	7	
Tổng THCS		111	
Tổng 3 cấp		261	



DANH SÁCH HỌC SINH KHUYẾT TẬT CÁC TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC
Được chi trả học bổng 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: 100/QĐ-PGDDT ngày 12/02/2025 của Phòng GD&ĐT)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Trường	Lớp	Diện hỗ trợ	Dạng khuyết tật	Mức độ khuyết tật	Chi trả học bổng			Họ tên bố (mẹ, chú hộ)	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã, huyện		
		Ngày	Tháng	Năm						Mức học bổng hỗ trợ/tháng (đ)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền được cấp (đ)		Bản	Xã	Huyện
1	Sùng A Văn	29	4	2018	PTDTBT TH Leng Su Sin	1C1	Hộ nghèo	trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng Bá Thai	Cà là pá	Leng Su Sin	M.Nhé
2	Lý Văn Hiếu	04	01	2017	PTDTBT TH Leng Su Sin	2A	Hộ nghèo	trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lý Hà Cà	Gia Chứ	Leng Su Sin	M.Nhé
3	Và Thị Yến Si	12	08	2016	PTDTBT TH Leng Su Sin	3A2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Và A Nánh	Nậm Là 2	Mường Nhé	M.Nhé
4	Vàng Ngọc Kim	27	09	2016	PTDTBT TH Leng Su Sin	3A3	Hộ nghèo	Nghe, trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vàng Pó Hừ	Leng Su Sin	Leng Su Sin	M.Nhé
5	Lý Xuân Phong	27	11	2016	PTDTBT TH Leng Su Sin	3A4	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lý Phi Cà	Á Di	Leng Su Sin	M.Nhé
6	Giảng Ngọc Lan	17	07	2014	PTDTBT TH Leng Su Sin	5A3	Cận nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giảng Nhù Xá	Gia Chứ	Leng Su Sin	M.Nhé
7	Vàng Thị Thu	20	10	2018	PTDTBT TH Leng Su Sin	1C2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Chơ	Cà là pá	Leng Su Sin	M.Nhé
8	Sùng Thị Uót	14	09	2018	PTDTBT TH Chung Chải 1	1	Hộ nghèo	Vận động	nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Sính	Pá Lùng	Chung Chải	M.Nhé
9	Lầu Thị Liên	19	06	2018	PTDTBT TH Chung Chải 1	1	Hộ nghèo	Khiếm thị	nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lầu A Súa	Pá Lùng	Chung Chải	M.Nhé
10	Vừ Thị Súa	03	07	2017	PTDTBT TH Chung Chải 1	2	Hộ nghèo	Khiếm thị	nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vừ Giồng Cùa	Xà Quế	Chung Chải	M.Nhé
11	Hạng A Dinh	06	09	2017	PTDTBT TH Chung Chải 1	2	Hộ nghèo	nổi	nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hạng A Chơ	Xà Quế	Chung Chải	M.Nhé
12	Vàng Thanh Hương	01	09	2017	PTDTBT TH Chung Chải 1	2	Hộ nghèo	Vận động	nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vàng Trường Sơn	Nậm Pắc	Chung Chải	M.Nhé
13	Vàng Thị Xinh	14	01	2013	PTDTBT TH Chung Chải 1	3	Hộ nghèo	Vận động	nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Cá	Xi Ma	Chung Chải	M.Nhé
14	Vàng A Chơ	17	01	2016	PTDTBT TH Chung Chải 1	3	Hộ nghèo	Vận động	nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Nénh	Pá Lùng	Chung Chải	M.Nhé
15	Ly A Hồng	23	06	2016	PTDTBT TH Chung Chải 1	3	Hộ nghèo	Vận động	nặng	1.872.000	5	9.360.000	Ly A Và	Xà Quế	Chung Chải	M.Nhé
16	Thào Thị Súa	25	02	2015	PTDTBT TH Chung Chải 1	4	Hộ nghèo	Vận động	nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thào Trùng Tủa	Xi Ma	Chung Chải	M.Nhé
17	Vừ A Cống	17	03	2014	PTDTBT TH Chung Chải 1	5	Hộ nghèo	Khiếm thị	nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vừ Và Pó	Pá Lùng	Chung Chải	M.Nhé
18	Chang A Sơn	1	6	2018	PTDTBT TH Chung Chải 2	1A2	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Chang A Đế	Nậm Vi	Chung Chải	M.Nhé
19	Lý Thanh Thúy	11	9	2018	PTDTBT TH Chung Chải 2	1A6	Hộ nghèo	Câm điếc	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lý A Xé	Nậm Khum	Chung Chải	M.Nhé
20	Pờ Chí Thành	26	12	2018	PTDTBT TH Chung Chải 2	2A6	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Pừ Ché Tư	Nậm Khum	Chung Chải	M.Nhé
21	Lý Ngọc Linh	3	4	2016	PTDTBT TH Chung Chải 2	3A1	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lý Cà Chừ	Nậm Sin	Chung Chải	M.Nhé
22	Lý Minh Tú	24	4	2016	PTDTBT TH Chung Chải 2	3A2	Hộ nghèo	Câm điếc	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lý A Xé	Nậm Khum	Chung Chải	M.Nhé
23	Giảng A Tùng	16	5	2016	PTDTBT TH Chung Chải 2	3A3	Hộ nghèo	Bạch tạng	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng Thị Máy	Hùi To 1	Chung Chải	M.Nhé
24	Giảng A Phần	24	4	2016	PTDTBT TH Chung Chải 2	4A1	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giảng A Sùng	Hùi To 1	Chung Chải	M.Nhé
25	Chang Thị Phương	4	12	2015	PTDTBT TH Chung Chải 2	4A2	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Chang A Sờ	Hùi To 1	Chung Chải	M.Nhé



26	Lầu Thị Sai	30	6	2015	PTDTBT TH Chung Chải 2	4A3	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lầu A Nénh	Hua Sin	Chung Chải	M.Nhé
27	Phạm Quang Minh	18	7	2014	PTDTBT TH Chung Chải 2	5A1	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Pờ Na Xá	Nậm Khum	Chung Chải	M.Nhé
28	Sông Nữ Phan	12	9	2014	PTDTBT TH Chung Chải 2	5A1	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Hỏ	Húi To 1	Chung Chải	M.Nhé
29	Đào Thị Thanh	2	7	2014	PTDTBT TH Chung Chải 2	5A1	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hạ Bua Sênh	Hua Sin	Chung Chải	M.Nhé
30	Đào Thị Liễu	7	5	2014	PTDTBT TH Chung Chải 2	5A2	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Thảo Thị Sú	Húi To 2	Chung Chải	M.Nhé
31	Lý Quang Minh	8	3	2014	PTDTBT TH Chung Chải 2	5A2	Hộ nghèo	Cầm diéc	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lý A Xé	Vang Hỏ	Chung Chải	M.Nhé
32	Giàng Thị Cùa	9	9	2014	PTDTBT TH Chung Chải 2	5A3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Chang A Dành	Nậm Vi	Chung Chải	M.Nhé
33	Giàng Thị Mai	09	01	2018	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	1NS1	Cận nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thào A Dững	Nậm San 1	Mường Nhé	M.Nhé
34	Sùng A Thi	02	1	2017	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	2NP	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Páo	Nà Pán	Mường Nhé	M.Nhé
35	Thào Thị T. Hương	08	3	2016	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	3A1	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thào A Sinh	Nậm Là	Mường Nhé	M.Nhé
36	Lò Văn Nhật	17	12	2016	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	3A2	Cận nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lò Thị Choi	Nà Pán	Mường Nhé	M.Nhé
37	Lý Thị Sài	03	3	2016	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	3A2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lý A Vàng	Tân Phong	Mường Nhé	M.Nhé
38	Sông A Phúc	06	12	2016	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	3A4	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sông A Lơ	Mường Nhé 2	Mường Nhé	M.Nhé
39	Vừ A Dương Toán	24	9	2015	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	4A1	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Dề	Nậm San 2	Mường Nhé	M.Nhé
40	Giàng Thị X. Nhi	10	4	2015	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	4A2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Thấy	Nậm Là 2	Mường Nhé	M.Nhé
41	Sùng A Vàng	02	01	2015	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	4A2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Páo	Nà Pán	Mường Nhé	M.Nhé
42	Lầu A Phong	22	01	2014	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	5A1	Hộ nghèo	Khác, trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lầu A So	Nậm San 2	Mường Nhé	M.Nhé
43	Giàng A Chở	06	4	2014	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	5A1	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giàng Giồng Mua	Nậm San 2	Mường Nhé	M.Nhé
44	Giàng Thị Di	14	9	2014	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	5A1	Hộ nghèo	Nói, trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Pùa	Nậm San 2	Mường Nhé	M.Nhé
45	Vàng A Dương	09	8	2014	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	5A2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Sinh	Tân Phong	Mường Nhé	M.Nhé
46	Sông A Đô	10	4	2014	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	5A2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sông A Dạng	Mường Nhé 2	Mường Nhé	M.Nhé
47	Lò T. Thu Huyền	27	8	2014	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	5A2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lò Văn Hiến	Phiêng Kham	Mường Nhé	M.Nhé
48	Vừ Thị Hoa	07	10	2014	PTDTBT TH Trần Văn Thọ	5A3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Dề	Nậm San 2	Mường Nhé	M.Nhé
49	Vàng Thị Lai	20	10	2018	PTDTBT TH Nậm Vi	1A3	Hộ nghèo	tật nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Hủ	Huổi chạ 1	Nậm Vi	M.Nhé
50	Mùa Tùng Xinh	08	08	2018	PTDTBT TH Nậm Vi	1A4	Hộ nghèo	vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Mùa A Khua	Huổi Lùm	Nậm Vi	M.Nhé
51	Vàng A Trung	04	08	2017	PTDTBT TH Nậm Vi	1A6	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vàng Sỏ Dénh	Vang Hỏ	Nậm Vi	M.Nhé
52	Giàng Thị Xía	02	11	2017	PTDTBT TH Nậm Vi	2A1	Hộ nghèo	vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Páo	Huổi chạ 1	Nậm Vi	M.Nhé
53	Lầu Thị Mai	16	01	2017	PTDTBT TH Nậm Vi	2A5	Hộ nghèo	nhìn.	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lầu A Phông	Huổi Cầu	Nậm Vi	M.Nhé
54	Sùng A Dựng	18	07	2016	PTDTBT TH Nậm Vi	3A2	Hộ nghèo	nhìn.	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lầu Thị Dợ	Huổi Chạ 2	Nậm Vi	M.Nhé
55	Sùng A Phinh	14	06	2016	PTDTBT TH Nậm Vi	3A2	Hộ nghèo	nghe, nói.	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Lòng	Huổi Chạ 2	Nậm Vi	M.Nhé
56	Sùng A Xù	10	10	2016	PTDTBT TH Nậm Vi	3A4	Hộ nghèo	trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Chu B	Huổi Chạ 2	Nậm Vi	M.Nhé
57	Thào Thị Chia	10	10	2016	PTDTBT TH Nậm Vi	3A3	Hộ nghèo	trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thào A Tủa	Huổi Cầu	Nậm Vi	M.Nhé
58	Thào A Cường	05	12	2015	PTDTBT TH Nậm Vi	4A1	Hộ nghèo	nghe nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Thào A Sla	Huổi Chạ 1	Nậm Vi	M.Nhé



62	Giảng Thị Mai	05	07	2015	PTDTBT TH Nậm Vi	4A2	Hộ nghèo	nghe nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng Thị Lý	Huổi Cha 1	Nậm Vi	M.Nhé
63	Giảng Thị Nhung	28	05	2015	PTDTBT TH Nậm Vi	4A3	Hộ nghèo	nghe nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Ly A Lầu	Huổi Cha 2	Nậm Vi	M.Nhé
64	Hầu A Quen	19	09	2015	PTDTBT TH Nậm Vi	4A4	Hộ nghèo	nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hầu A Vàng	Huổi Cha 1	Nậm Vi	M.Nhé
65	Khánh A Cá	24	05	2014	PTDTBT TH Nậm Vi	5A1	Hộ nghèo	nghe nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Khánh A Ký	Vang Hỏ	Nậm Vi	M.Nhé
66	Giảng Thị Ra	01	10	2014	PTDTBT TH Nậm Vi	5A2	Hộ nghèo	trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giảng Sổng Máy	Huổi Cha 2	Nậm Vi	M.Nhé
67	Giảng A Chá	13	03	2014	PTDTBT TH Nậm Vi	5A3	Hộ nghèo	trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giảng A Nhia	Vang Hỏ	Nậm Vi	M.Nhé
68	Hờ A Dinh	25	10	2018	PTDTBT TH Nậm Vi	1A1	Hộ nghèo	trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A Phía	Huổi Chạ 2	Nậm Vi	M.Nhé
69	Giảng A Nhở	09	11	2018	PTDTBT TH Nậm Vi	1A2	Hộ nghèo	trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giảng Giá Ma	Huổi Chạ 2	Nậm Vi	M.Nhé
70	Vàng A Mông	16	10	2018	PTDTBT TH Nậm Vi	1A3	Hộ nghèo	trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vàng Thị Chía	Huổi Chạ 1	Nậm Vi	M.Nhé
71	Giảng Thị Nhôm	17	11	2017	PTDTBT TH Nậm Vi	2A2	Hộ nghèo	nghe nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giảng Chùng Tư	Huổi Chạ 1	Nậm Vi	M.Nhé
72	Ly A Cúc	22	09	2015	PTDTBT TH Nậm Vi	4A4	Hộ nghèo	trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng Thị Cừ	Huổi Chạ 1	Nậm Vi	M.Nhé
73	Thảo Seo Dơ	17	3	2016	PTDTBT TH M.Toong 1	3A4	Hộ nghèo	Nghe	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Thảo Seo Say	Huổi Pinh	M.Toong	M.Nhé
74	Cừ A Anh	21	1	2015	PTDTBT TH M.Toong 1	4A6	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Cừ A Páo	Nậm Pan	M.Toong	M.Nhé
75	Giảng A Lơi	5	11	2015	PTDTBT TH M.Toong 1	4A3	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giảng A Sang	Tà Hàng	M.Toong	M.Nhé
76	Lầu A Hữu	9	12	2015	PTDTBT TH M.Toong 1	4A4	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lầu A Khả	Nậm Xá	M.Toong	M.Nhé
77	Ly Chin Khoán	19	12	2015	PTDTBT TH M.Toong 1	4A3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Ly Chi Dừng	Tà Hàng	M.Toong	M.Nhé
78	Mua Cao Mong	25	12	2014	PTDTBT TH M.Toong 1	5A3	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Mua A Vừ	Đoàn Kết	M.Toong	M.Nhé
79	Hờ A Sơ	28	5	2015	PTDTBT TH Pá Mỹ	4A	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A NHè	Huổi Pét 2	Pá Mỹ	M.Nhé
80	Bản Thùy Trang	11	6	2015	PTDTBT TH Pá Mỹ	4C	Hộ nghèo	Nhìn	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Bản Tôn Sênh	Pá Mỹ 2	Pá Mỹ	M.Nhé
81	Mùa Tiên Thành	12	1	2018	PTDTBT TH Huổi Léch	1A3	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Mùa A Súa	Huổi Léch	Huổi Léch	M.Nhé
82	Sùng Thị Nà	8	5	2018	PTDTBT TH Huổi Léch	1A9	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giảng Thị Lọc	Pa Tét	Huổi Léch	M.Nhé
83	Thảo A Chùng	20	10	2017	PTDTBT TH Huổi Léch	2A1	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thảo A Hòa	Nậm Mỹ 1	Huổi Léch	M.Nhé
84	Lầu Thị Xung	14	10	2017	PTDTBT TH Huổi Léch	2A8	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lầu A Phàng	Nậm Hình 2	Huổi Léch	M.Nhé
85	Giảng A Phinh	19	4	2016	PTDTBT TH Huổi Léch	3A2	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giảng A Sừ	Huổi Léch	Huổi Léch	M.Nhé
86	Giảng A Long	24	3	2015	PTDTBT TH Huổi Léch	4A3	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giảng A Dinh	Nậm Pan 2	Huổi Léch	M.Nhé
87	Chang A Dơ	1	8	2015	PTDTBT TH Huổi Léch	4A2	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Chang A Súa	Nậm Hình 2	Huổi Léch	M.Nhé
88	Giảng Thị Tre	2	11	2014	PTDTBT TH Huổi Léch	5A1	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giảng A Chính	Nậm Mỹ 1	Huổi Léch	M.Nhé
89	Ly Vân Thảo	25	3	2014	PTDTBT TH Huổi Léch	5A2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Ly Lão Sừ	Nậm Hình 1	Huổi Léch	M.Nhé
90	Thảo Mai Hương	24	12	2014	PTDTBT TH Huổi Léch	5A2	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Thảo A Thanh	Huổi Léch	Huổi Léch	M.Nhé
91	Phà Diều Sao	9	10	2014	PTDTBT TH Huổi Léch	5A3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Phàn Sần Teo	Nậm Hình 1	Huổi Léch	M.Nhé
92	Sùng A Tanh	28	8	2014	PTDTBT TH Huổi Léch	5A3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Vàng	Nậm Mi 2	Huổi Léch	M.Nhé
93	Mùa A Xá	29	12	2016	PTDTBT TH Huổi Léch	3A3	Hộ nghèo	Nghe nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Mùa A Phừ	Huổi Léch	Huổi Léch	M.Nhé

92	Mùa A Xuân	25	12	2015	PTDTBT TH Huổi Léch	4A2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Mùa A Phứ	Huổi Léch	Huổi Léch	M.Nhé
93	Mùa A Kênh	17	11	2014	PTDTBT TH Huổi Léch	5A3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Mùa A Phứ	Huổi Léch	Huổi Léch	M.Nhé
94	Lý A Minh	12	11	2015	PTDTBT TH Nậm Kè 2	4A3	Hộ nghèo	Điếc	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lý A Chùa	Huổi Hết	Nậm Kè	M.Nhé
95	Shi A Diu Nguyên	01	10	2017	PTDTBT TH Nậm Kè 2	2A1	Hộ nghèo	Câm điếc	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Chéo Láo Tả	Huổi Hóc	Nậm Kè	M.Nhé
96	Liều A Canh	6	2	2018	PTDTBT TH Quảng Lâm	1	Hộ nghèo	Mất	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Liều A Sinh	Trạm Púng	Quảng Lâm	M.Nhé
97	Giàng Đức Anh	15	8	2017	PTDTBT TH Quảng Lâm	2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Vàng	Huổi Lấp	Quảng Lâm	M.Nhé
98	Giàng T.Mỹ Sênh	20	10	2017	PTDTBT TH Quảng Lâm	2	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Hồ	N. Chà Nội 1	Quảng Lâm	M.Nhé
99	Liều Thị Dung	7	1	2015	PTDTBT TH Quảng Lâm	4	Hộ nghèo	Mất	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Liều A Mang	Trạm Púng	Quảng Lâm	M.Nhé
100	Vàng Thị Dưa	12	7	2015	PTDTBT TH Quảng Lâm	4	Hộ nghèo	Ngôn ngữ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Lồng	N.Chà Nội 2	Quảng Lâm	M.Nhé
101	Liều A Lâu	6	3	2014	PTDTBT TH Quảng Lâm	5	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Liều A Sang	Trạm Púng	Quảng Lâm	M.Nhé
102	Giàng Thị Lân	21	11	2014	PTDTBT TH Quảng Lâm	5	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Liều Thị Chư	Trạm Púng	Quảng Lâm	M.Nhé
103	Mùa A Mênh	9	10	2014	PTDTBT TH Quảng Lâm	5	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Mùa A Chứ	Dền Thàng	Quảng Lâm	M.Nhé
104	Giàng Thị Linh	06	08	2018	PTDTBT TH Nậm Kè 1	1A8	Hộ nghèo	Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Chang	Huổi Khon	Nậm Kè	M.Nhé
105	Sân Dùn Lầy	31	10	2016	PTDTBT TH Nậm Kè 1	3A3	Hộ nghèo	Nghe	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sân Tồn Mán	H. Thanh 1	Nậm Kè	M.Nhé
106	Thảo A Giành	14	03	2015	PTDTBT TH Nậm Kè 1	4A3	Hộ nghèo	Nghe	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Thảo A Sinh	Huổi Khon 2	Nậm Kè	M.Nhé
107	Quảng Việt Hùng	06	10	2014	PTDTBT TH Nậm Kè 1	5A2	Hộ nghèo	Câm điếc	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Quảng Văn Tin	Nậm Kè	Nậm Kè	M.Nhé
108	Sùng A Thân	16	05	2014	PTDTBT TH Nậm Kè 1	5A2	Hộ nghèo	trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Chơ	Huổi Khon 1	Nậm Kè	M.Nhé
109	Vừ Phi Hùng	19	4	2014	PTDTBT TH Nậm Pồ	5A1	Hộ nghèo	vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Phía	Huổi Cọ	Mường Nhé	M.Nhé
110	Ly Xuông Trường	02	10	2014	PTDTBT TH Nậm Pồ	5A3	Hộ nghèo	nói - trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Ly A Tráng	Nậm Pồ 3	Mường Nhé	M.Nhé
111	Mùa Thị Phương	03	04	2014	PTDTBT TH Nậm Pồ	5A4	Hộ nghèo	vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Mùa A Ly	Co Lót	Mường Nhé	M.Nhé
112	Tần Văn Nghĩa	11	10	2015	PTDTBT TH Nậm Pồ	4A1	cận nghèo	nói - trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Tần Chín Nhuận	Huổi Cọ	Mường Nhé	M.Nhé
113	Hờ Tâm Phúc	03	09	2016	PTDTBT TH Nậm Pồ	3A3	Hộ nghèo	trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A Lừ	Nậm Pồ 2	Mường Nhé	M.Nhé
114	Cứ A Tùng	30	01	2016	PTDTBT TH Nậm Pồ	3A4	Hộ nghèo	vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Cứ A Chu	Co Lót	Mường Nhé	M.Nhé
115	Hàng Công Sênh	26	09	2014	PTDTBT TH Nậm Pồ	5A1	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hàng A Giao	Nậm Pồ 4	Mường Nhé	M.Nhé
116	Giàng Thị P.Ngọc	10	11	2017	PTDTBT TH Nậm Pồ	2C2	Hộ nghèo	Nghe- Nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Páo	Co Lót	Mường Nhé	M.Nhé
117	Hờ Thị N. Phương	05	12	2016	PTDTBT TH Nậm Pồ	3A3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A Và	Nậm Pồ 3	Mường Nhé	M.Nhé
118	Mùa A Sùng	16	02	2017	PTDTBT TH Nậm Pồ	2A2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Mùa Sái Dinh	Nậm Pồ 3	Mường Nhé	M.Nhé
119	Sùng A Minh	28	11	2017	PTDTBT TH Nậm Pồ	2A5	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Thọ	Huổi Ban	Mường Nhé	M.Nhé
120	Thảo A Chu	09	03	2017	PTDTBT TH Nậm Pồ	2A1	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Thảo A Sùng	Nậm Pồ 3	Mường Nhé	M.Nhé
121	Cứ Thị Ngọc Y	24	04	2017	PTDTBT TH Nậm Pồ	2A3	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Cứ A Chù	Nậm Pồ 3	Mường Nhé	M.Nhé
122	Giàng Thị Thía	07	08	2015	PTDTBT TH Nậm Pồ	4A3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Thảo	Huổi Ban	Mường Nhé	M.Nhé
123	Sùng Quân Sáng	11	10	2017	PTDTBT TH Nậm Pồ	2A5	Cận nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Sung	Huổi Ban	Mường Nhé	M.Nhé
124	Vàng Thị Dợ	07	01	2015	PTDTBT TH Nậm Pồ	4A3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Kinh	Nậm Pồ 3	Mường Nhé	M.Nhé



15	02	2015	PTDTBT TH Năm Pô	3A1	Hộ nghèo	VD, trí tuệ	Nhệ	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Dĩa	Huổi ban	Mường Nhé	M. Nhé
Danh sách có 125 học sinh														